

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HS-ST

Ngày: 15-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giàng A Dì;

2. Ông Thào A Trư.

Thư ký phiên toà: Ông Hờ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trám Tấu tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hảng A T, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1982 tại xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa không biết chữ; dân tộc Mông; tôn giáo không; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Hảng A K (đã chết) và bà Phàng Thị D; có vợ là Thào Thị M, sinh năm 1982 và có 01 con nuôi; tiền án không; tiền sự không; bị giữ khẩn cấp ngày 23 tháng 02 năm 2021; tạm giam ngày 25 tháng 02 năm 2021; “Có mặt”.

2. Thào Thị M, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1982 tại xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa không biết chữ; dân tộc Mông; tôn giáo không; giới tính nữ; quốc tịch Việt Nam; con ông Thào A K, sinh năm 1963 và bà Phàng Thị C, sinh năm 1964; có chồng là Hảng A T, sinh năm 1982 và có 01 con nuôi; tiền án không; tiền sự không; bị giữ khẩn cấp ngày 23-02-2021, đến ngày 25-

02-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; “Có mặt”.

3. Sầm Văn Đ, sinh năm 1987 tại xã S, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nơi đăng ký HKTT: Bản V, xã S, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nơi tạm trú thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa không biết chữ; dân tộc Thái; tôn giáo không; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Sầm Văn T, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị B, sinh năm 1961; có vợ là Lò Thị Y và có 02 con; tiền án không; tiền sự không; tạm giữ ngày 23 tháng 02 năm 2021; tạm giam ngày 25 tháng 02 năm 2021; “Có mặt”.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Hằng A T, Thào Thị M:* Ông Nguyễn Kim G - Luật sư thực hiện trợ giúp viên pháp lý theo hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

- *Người tham gia tố tụng khác.*

Người chứng kiến:

+ Hà Lệ T, sinh năm 1988; nơi cư trú thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

+ Phan Ngọc T, sinh năm 1964; nơi cư trú tổ dân phố số 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

+ Phàng A L, sinh năm 1982; nơi cư trú thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Mùa A L - Cán bộ chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 21-02-2021 Hằng A T đi thị xã N, khi đến khu vực cánh đồng thuộc bản Đ, xã N, thị xã N, T gặp một người đàn ông dân tộc Thái, qua trao đổi T mua của người đàn ông này 25 gói nhỏ Heroine, với giá 1.600.000 đồng; đến chiều tối cùng ngày khi T đang ở nhà tại thôn K, xã B, huyện T, thì có Sầm Văn Đ đến hỏi mua Heroine, qua trao đổi T bán cho Đ 01 gói Heroine với giá 100.000 đồng; số Heroine mua được T mang ra sử dụng 03 gói, số còn lại đến chiều tối ngày 23-02-2021 T đưa cho vợ là Thào Thị M cất giữ. Tiếp đó, vào khoảng 18 giờ ngày 23-02-2021 Sầm Văn Đ đến nhà Hằng A T mua Heroine, Đ đưa cho T 200.000 đồng để mua Heroine, T đưa số tiền đó cho M, M lấy 02 gói Heroine cho Đ, khi M lấy Heroine ra, Đ nhìn thấy M còn nhiều gói Heroine nên đưa thêm cho M 100.000 đồng và bảo mua thêm 01 gói, M lấy thêm cho Đ 01 gói Heroine. Mua xong Đ cất 03 gói Heroine vào trong túi áo khoác đang mặc và đi về. Khi về đến thôn L, xã H, huyện T thì bị bắt quả tang; thu giữ trong túi áo khoác Sầm Văn Đ đang mặc 03 gói nilon màu hồng, bên trong mỗi gói đều có chất bột nén màu trắng, Đ

khai là Heroine mua của T và M. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Hằng A T và Thào Thị M, cơ quan điều tra thu giữ 01 gói nilon màu hồng, bên trong có 18 gói giấy bạc của bao thuốc lá, bên trong các gói giấy bạc đều chứa chất bột nén màu trắng, T và M khai là Heroine, mục đích tàng trữ để T sử dụng và bán lại kiếm lời; ngoài ra còn thu giữ số tiền 3.690.000 đồng, Thào Thị M khai nhận số tiền bị thu giữ trong đó có 400.000 đồng là tiền bán Heroine cho Sầm Văn Đ, vào chiều tối ngày 21 và chiều tối ngày 23-02-2021.

Tại bản kết luận giám định số: 143/GĐMT ngày 01-03-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận:

1. Chất bột nén màu trắng thu giữ của Sầm Văn Đ có tổng khối lượng là 0,14 gam; 0,08 gam trích từ 0,14 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine.

2. Chất bột nén màu trắng thu giữ khi khám xét nơi ở của Hằng A T có tổng khối lượng là 0,7 gam; 0,08 gam trích từ 0,7 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine.

Heroine nằm trong Danh mục I, STT: 9, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15-5-2018 của Chính phủ.

Bản cáo trạng số: 14/CT-VKS-TT ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Hằng A T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Thào Thị M về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Sầm Văn Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi mình đã thực hiện. Các bị cáo T và M đề nghị nhận lại tiền sau khi đã trừ đi 400.000 đồng là tiền đã bán ma túy cho Đ và đề nghị được miễn án phí.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hằng A T và Thào Thị M phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; bị cáo Sầm Văn Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hằng A T từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thào Thị M từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Sầm Văn Đ từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Vật chứng và tài sản bị tạm giữ: Áp dụng điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tiêu hủy: 0,68 (*không phải sáu tám*) gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định; 03 (*ba*) vỏ phong bì đã mở niêm phong, bên trong một phong bì có các mảnh nilon gói; 01 (*một*) chiếc áo khoác màu đen đỏ, đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 400.000 (*bốn trăm nghìn*) đồng.

+ Trả lại bị cáo Thảo Thị M: 3.290.000 (*ba triệu hai trăm chín mươi nghìn*) đồng.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Sầm Văn Đối phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Hằng A T, Thảo Thị M được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa: Bị cáo T, bị cáo M là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T đã tự thú về hành vi bán Heroine cho Đ ngày 21-02-2021; các bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hằng A T từ 07 (*bảy*) năm đến 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thảo Thị M từ 02 (*hai*) năm đến 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Vật chứng, tài sản tạm giữ và án phí: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, xin nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Chiều tối ngày 21-02-2021 tại nơi ở của Hằng A T, thôn K, xã B, huyện T; Hằng A T đã bán cho Sầm Văn Đ 01 gói Heroine với giá 100.000 đồng. Vào khoảng 18 giờ ngày 23-02-2021 tại nơi ở của mình Hằng A T và Thào Thị M bán cho Sầm Văn Đ 0,14 gam Heroine, với giá 300.000 đồng; đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày khi Sầm Văn Đ về đến thôn L, xã H, huyện T thì bị Cơ quan Công an huyện Trạm Tầu bắt quả tang, Sầm Văn Đ tàng trữ 0,14 gam Heroine trong túi áo khoác đang mặc; mục đích Sầm Văn Đ tàng trữ Heroine để sử dụng, vì bản thân Đ là người nghiện chất ma túy. Vào hồi 20 giờ ngày 23-02-2021 khám xét khẩn cấp nơi ở của Hằng A T và Thào Thị M thu giữ 0,7 gam Heroine; mục đích T và M tàng trữ Heroine là để T sử dụng và bán lại kiếm lời.

Các bị cáo Hằng A T, Thào Thị M và Sầm Văn Đ là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy (Heroine) là vi phạm luật hình sự và biết được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội. Bị cáo T và bị cáo M do vụ lợi nên đã cố ý thực hiện, nhằm mục đích thu lời bất chính; bị cáo Đ cố ý thực hiện, nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy trái pháp luật của bản thân.

Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy mà các bị cáo thực hiện đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Hằng A T và Thào Thị M không có sự cấu kết chặt chẽ, nên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó T là người chủ động mua Heroine và trực tiếp tham gia bán hai lần, M là người giúp sức cùng với T bán một lần Heroine. Nên trong vụ án này T phải chịu trách nhiệm chính.

[4] Ngày 21-02-2021 T trực tiếp bán Heroine cho Đ một lần, ngày 23-02-2021 T cùng M bán cho Đ 0,14 gam Heroine, nên T phải chịu tình tiết

tăng nặng định khung là phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

[5] Ngày 21-02-2021 sau khi bán Heroine cho Đ, T đưa cho M 100.000 đồng, M biết đó là tiền T bán Heroine cho Đ. Tuy nhiên, hành vi mua bán trái phép ma túy của T đã hoàn thành vào thời điểm T giao Heroine và nhận tiền từ Đ, nên M không đồng phạm với T trong hành vi này.

[6] Từ những nhận định trên đã có đủ căn cứ để khẳng định hành vi của bị cáo Hằng A T phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Thảo Thị M phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Sầm Văn Đ phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[7] Nhân thân: Bị cáo Thảo Thị M trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, xác định bị cáo M là người có nhân thân tốt.

Bị cáo Hằng A T và Sầm Văn Đ là người thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy, nên xác định các bị cáo là người có nhân thân không tốt tại địa phương.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cả ba bị cáo cùng được hưởng. Ngoài ra Hằng A T tự khai ra hành vi bán Heroine cho Đ vào ngày 21-02-2021, nên bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng định khung hình phạt đối với T, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như đã phân tích ở trên, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục riêng các bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

[10] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo T, M và Đ đều là người không có tài sản, kinh tế gia đình khó khăn; không có thu nhập ổn định và không có tài sản có giá trị lớn; T và Đ là người nghiện. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Vật chứng và tài sản tạm giữ:

Đối với: 0,68 (*không phải sáu tám*) gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định. Đây là vật cầm tàng trữ, lưu hành, nên tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự.

Đối với: 03 (ba) vỏ phong bì thư đã mở niêm phong, bên trong một phong bì có các mảnh nilon gói; 01 (một) chiếc áo khoác màu đen đỏ, đã cũ, đã qua sử dụng. Các mảnh nilon gói và áo khoác, bị cáo Đối đã sử dụng để tàng trữ ma túy, nên cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; 03 (ba) vỏ phong bì Cơ quan điều tra sử dụng để niêm phong vật chứng, xét không có giá trị, nên cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 3.690.000 đồng thu giữ của bị cáo Thảo Thị M, cần tịch thu nộp ngân sách 400.000 đồng là tiền do T và M bán ma túy, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Số tiền còn lại 3.290.000 đồng là tiền của các bị cáo, không liên quan đến tội phạm, nên trả số tiền cho bị cáo M, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA- loại xe WAVE RSX, BKS: 21K1 - 490.03, là tài sản hợp pháp của chị Lò Thị Y (vợ bị cáo Đ), việc bị cáo sử dụng mô tô đi để mua ma túy, chị Y không biết, không có lỗi. Ngày 16-3-2021 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị Lò Thị Y là hợp pháp, nên được chấp nhận.

[12] Án phí và các vấn đề khác:

Bị cáo Sầm Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T và bị cáo M là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, các bị cáo có đề nghị được miễn án phí. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí cho bị cáo T và bị cáo M.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông dân tộc Thái là người Hạng A T khai đã bán Heroine cho T. Cơ quan điều tra không xác minh được, nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh:

Tuyên bố bị cáo Hạng A T và bị cáo Thảo Thị M phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Tuyên bố bị cáo Sầm Văn Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hằng A T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày giữ khẩn cấp bị cáo, là ngày 23-02-2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thảo Thị M 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ đi 03 ngày tạm giữ.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Sầm Văn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, là ngày 23-02-2021.

3. Vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 0,68 (không phải sáu tám) gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định để trong một phong bì thư do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành, đã được niêm phong; 03 (ba) vỏ phong bì thư đã mở niêm phong, bên trong một phong bì có các mảnh nilon gói; 01 (một) chiếc áo khoác màu đen đỏ, đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.

+ Trả lại bị cáo Thảo Thị M: 3.290.000 (ba triệu hai trăm chín mươi nghìn) đồng.

(số tiền tịch thu và trả lại được niêm phong trong phong bì thư do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành)

4. Án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Sầm Văn Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Hằng A T, Thảo Thị M được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Các bị cáo; người bào chữa;
- UBND xã S;
- UBND xã H; xã B (TB);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Chi cục Thuế Nghĩa Vãn- Trạm Tấu;
- Chi cục Hải quan tỉnh Yên Bái;
- Lưu: Hs, TA, THA.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân